TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HN - ST
Ngày: 22 - 12 - 2025
V/v "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Công.
2. Ông Nguyễn Văn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Không có.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2025/TLST- HN, ngày 01 tháng 10 năm 2025. Về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST – HN, ngày 17 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 157/2025/QĐST – HN, ngày 05 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Lê Bảo N, sinh năm 2004. Địa chỉ: Khóm I (nay là ấp S), xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Phạm Hoàng T, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp N, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Lê Bảo N trình bày: Chị với anh Phạm Hoàng T do tìm hiểu quen biết nhau và được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới

năm 2023, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nữ trang cưới có 14 chỉ vàng 24Kra gồm bông tai, dây chuyền, lắc và nhẫn, số nữ trang này do anh T đang quản lý.

Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do không cùng quan điểm, không tiếng nói chung, không quan tâm dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau nhiều lần mạnh ai nấy sống. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau hàn gắn cũng không hạnh phúc, chị N yêu cầu Tòa án công nhận chị và anh T không phải là vợ chồng.

- *Về con chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Có nữ trang cưới, chị N không yêu cầu chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh Phạm Hoàng T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Lê Bảo N là nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt; anh Phạm Hoàng T là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, lời khai của đương sự, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Thân xác L quan hệ hôn nhân năm 2023, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; căn cứ giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số: 21/2025/UBND – XNTTHN, ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã C thì chị Nguyễn Lê Bảo N hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai, phù hợp với lời khai của chị N. Tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…*" và "*Trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này…*". Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định : "*Trường hợp nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm*

điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ…". Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ xác định hôn nhân giữa chị N với anh T là không hợp pháp. Nay chị N yêu cầu Tòa án công nhận chị N và anh T không phải là vợ chồng là hoàn toàn có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự không đặt ra yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Lê Bảo N.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Lê Bảo N với anh Phạm Hoàng T là vợ chồng.

- Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự không đặt ra yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Lê Bảo N có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003165 (Ký hiệu: BLTU/25E), ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, do đó chị N không phải nộp.

Anh Phạm Hoàng T không phải chịu án phí.

“ Chị N và anh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết ”.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Thanh